

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày 09/02/2018

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ T ; Ông Đặng Viết Côi.

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Tường Thị Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 26/01/2018 đối với các bị cáo;

1. Chu Văn C - sinh năm 1995. Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn LK, xã LB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông: Chu Văn H - sinh năm 1970, Con bà: Chu Thị H - sinh năm 1971. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Vợ, con: Chưa có; Theo danh chỉ bản số 207, lập ngày 08/10/2017 tại Công an huyện Ứng Hòa và bản trích lục tiền án, tiền sự số 1282497/PC53 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo Chu Văn C không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị truy nã, đầu thú bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện UH từ ngày 08/10/2017 đến nay (*Có mặt tại phiên Tòa*).

2. Phạm Đình T, sinh năm 1991. Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn LK, xã LB, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Phạm Đình H - sinh năm 1963, Con bà: Đặng Thị H - sinh năm 1968. Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị H – sinh năm 1997; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016); Theo danh chỉ bản số 249, lập ngày 19/12/2017 tại Công an huyện Ứng Hòa và bản trích lục tiền án, tiền sự số 1340516/PC53 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo Phạm Đình T không có tiền án, tiền sự. Về nhân thân: Ngày 20/6/2017 bị Công an huyện UH xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 16 tháng 12 năm 2017 bị cáo Phạm Đình T bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện UH cho đến nay (*Có mặt tại phiên Tòa*).

*** Người bị hại:** Anh Chu Văn T - sinh năm 1989; Trú tại: thôn LK, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt tại phiên Tòa*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Chu Văn V - sinh năm 1992; Trú tại: thôn LK, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

2. Anh Đặng Văn D - sinh năm 1991; Trú tại: thôn LK, xã LB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Ngọc Đ - sinh năm 1996; Trú tại: thôn QN, xã QPC, huyện UH, thành phố Hà Nội.

4. Anh Hoàng Anh T - sinh năm 1984; Trú tại: Ngõ 6, LL, Phường NT, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

5. Anh Đặng Văn D - sinh năm 1991; Trú tại: thôn LK, xã LB, huyện UH, Thành phố Hà Nội (*Đều vắng mặt tại phiên Tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2017 Chu Văn V mượn chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius màu đen trắng, BKS: 29Y3-109.10 của Đặng Văn D ở cùng thôn để đi làm. Đến khoảng 14 giờ ngày 20/5/2017 Chu Văn V và Chu Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 19Y3-109.10 đến đám cưới nhà chị Đặng Thị Thảo ở cùng thôn. Sau đó, T mượn xe mô tô trên của V để đi đến anh Chu Văn Hôn cũng ở cùng thôn. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi T đang ở cổng đám cưới nhà anh Hôn thì gặp Chu Văn C ở cùng thôn. C nói với T “*anh cho em mượn xe, em đi mua chai nước uống*”. T đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô nêu trên cho C mượn. C ra lấy xe thì gặp Chu Văn Quy. Quy nhờ C đi mua thuốc lá. C ra quán nước ở cổng đình thôn LK mua thuốc lá cho Quy. Sau đó, C quay về đám cưới nhà anh Hôn thì gặp T, T bảo C “*lại đi đâu nữa, xe hết xăng rồi*”, C trả lời “*để em đi đổ*”, C điều khiển xe mô tô ra quán nước để mua nước thì gặp Phạm Đình T. T hỏi C “*đi xuống thị trấn Vân Đình cầm dây bạc*”, C đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô nêu trên chở T xuống Vân Đình. C và T vào cửa hàng vàng bạc Huy Hoàng để T cầm dây chuyền bạc nhưng không cầm được. Lúc này, T nói với C “*lên Vũ Ngoại vay tiền cùng anh*”. Sau đó, T điều khiển xe chở C lên Vũ Ngoại, LB để vay tiền. Trên đường đi, do không có tiền tiêu sài cá nhân nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 29Y3-109.10 mượn của anh T. C nói với T “*anh biết chỗ nào cầm xe không bảo em*”, T hỏi C “*cầm xe nào*”, C trả lời: “*cầm xe em mượn anh T đây*”, T hỏi C “*thế định cầm bao nhiêu*”, C nói “*cầm lấy hai triệu thôi*”. Sau đó, T nói “*để anh hỏi xem thằng này nó có cầm xe không*”. Sau đó, T gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc Đ ở QN, QPC, UH nói “*có cầm xe máy Sirius không giấy tờ không, xe người nhà ông yên tâm không phải xe trộm đâu mà lo*”. Đ hỏi “*xe không giấy tờ à, cầm bao*

nhieu”, T trả lời “*cắm ba triệu*”, Đ nói “*hai triệu thôi*”. Sau khi trao đổi, T và C lên ngã ba Quán Tròn, QPC, T gọi điện cho Đ nhưng Đ không nghe máy. T và C quay xe đi về đến ngã ba Cầu Lão, Trường Thịnh thì Đ gọi điện lại cho T và nói “*đi lên sân bóng thôn QN*”. T điều khiển xe chở C lên sân bóng thôn QN, QPC đợi Đ. Khoảng 10 phút sau, Đ đi cùng Nguyễn Hữu Huy cùng ở QN. T nói với Đ “*đưa tiền đây, xe đây, mấy hôm nữa tao lấy*”. Đ đưa cho T 2.000.000 đồng rồi C đưa chìa khóa và xe Sirius nêu trên cho Đ. T nhờ Đ chở T và C ra Quán Tròn rồi T và C đi xe ôm về Cầu Lão. Tại đây, C nói với T “*đưa em một triệu hai trăm nghìn đồng*”, T lấy 2.000.000 đồng tiền vừa cầm xe ra đưa cho C 1.200.000 đồng, còn lại T cầm 800.000 đồng. Sau đó, T đi về nhà còn C đi vào quán Game ở Cầu Lão chơi. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, C gọi điện thoại cho T lên đón về. T đi đến quán Game ở Cầu Lão đón C về nhà T. Sau đó, C về đám cưới nhà anh Hôn gặp T và nói “*tôi và T đã cầm xe*”. Sau đó, V và D biết việc C và T đã mang chiếc xe mô tô Sirius BKS 29Y3-109.10 đi cầm. Ngày 22/5/2017 Chu Văn T và Đặng Văn D có đơn trình báo sự việc trên đến Ban Công an xã LB.

Do không thấy C và T đến chuộc lại xe, Nguyễn Ngọc Đ đã mang chiếc xe mô tô Sirius BKS 29Y3-109.10 cầm lại cho Hoàng Anh T – sinh năm 1984 ở Ngõ 6, phố LL, phường NT, quận HĐ, Hà Nội với giá 2.000.000 đồng.

Quá trình xác minh và điều tra, Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH đến nhà T làm việc nhưng không gặp được T đồng thời được gia đình và chính quyền địa phương cho biết không phát hiện chiếc xe mô tô Sirius màu đen trắng BKS 29Y3-109.10. Gia đình T cho biết hiện T đi đâu, làm gì, gia đình không nắm được.

Sau khi thực hiện hành vi, Chu Văn C và Phạm Đình T trốn khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH đã ra Quyết định truy nã đối với C và T. Ngày 08/10/2017 Chu Văn C đầu thú tại Công an huyện UH. Ngày 29/11/2017, Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH bắt được Phạm Đình T tại xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 16/8/2017, Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH đã ra thông báo truy tìm vật chứng số 66 đối với chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius màu đen trắng, BKS 29Y3-109.10. Tuy nhiên, hiện chưa thu giữ được.

Ngày 25/8/2017, Cơ quan CSĐT-Công an huyện UH đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 55 đối với chiếc xe Yamaha nhãn hiệu Sirius màu đen trắng, BKS 29Y3-109.10. Tại bản kết luận định giá tài sản số 48-BBKL-HĐĐGTSTTT ngày 30/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện UH kết luận: chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius màu đen trắng, BKS 29Y3-109.10 đã qua sử dụng, mua và đăng ký năm 2012 có giá trị là: 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*).

Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 23/01/2018 của Viện tr-ởng viện kiểm sát nhân dân huyện □ng Hoà đã truy tố các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T đều về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 - BLHS năm 1999 (điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015).

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh cũng nh- Điều luật, khoản áp dụng nh- trên. Đồng thời đề nghị Hội đồng

xét xử, xử phạt bị cáo Chu Văn C từ 06 đến 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 04 đến 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Chu Văn C và Phạm Đình Ban đã tự nguyện bồi thường cho anh Chu Văn T giá trị chiếc xe mô tô BKS 29Y3-109.10 với số tiền là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Sau khi T nhận đủ số tiền trên đã chuyển lại cho Đặng Văn D. D nhận lại tiền và không có thắc mắc, yêu cầu gì đối với chiếc xe BKS: 29Y3-109.10 đã bị mất nên không đặt ra giải quyết. Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ những chứng cứ, tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Chu văn C và Phạm Đình T hoàn toàn nhận tội nh- nội dung cáo trạng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đ- ọc chứng minh bằng biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú, đơn xin đầu thú, bản t- ờng trình và lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của ng- ời bị hại, những ng- ời làm chứng, hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 20/5/2017 Chu Văn C mượn chiếc xe mô tô Sirius BKS 29Y3-109.10 của Chu Văn T để đi mua nước uống. Do không có tiền tiêu sài cá nhân, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của T. Để thực hiện hành vi, C đã bàn bạc, nhờ Phạm Đình T tìm chỗ cấm xe. T biết chiếc xe mô tô BKS 29Y3-109.10 là xe do C mượn của T nhưng đã liên lạc, trao đổi và thỏa thuận với Nguyễn Ngọc Đ ở QN, QPC. Sau đó, T cùng C mang chiếc xe mô tô trên đến cấm cho Đ được 2.000.000đ và cùng nhau ăn chia hết số tiền.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" vi phạm điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999. Viện tr- ởng Viện kiểm sát nhân dân huyện □ng Hoà truy tố các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T theo tội danh, điều khoản nh- trong Cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] **Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy:** Trong vụ án này đối với bị cáo Chu Văn C sau khi mượn được xe, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của T. C đã bàn bạc, nhờ Phạm Đình T tìm chỗ cấm xe, bị cáo T cùng mục đích chiếm đoạt với bị cáo C, T đã liên lạc, trao đổi và thỏa thuận với Nguyễn Ngọc Đ, T và C đều thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tuy không có sự bàn bạc tổ chức, song các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau và phối hợp cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, thể hiện sự liều lĩnh.

[4] **Về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo:**

Đối với bị cáo Phạm Đình T về nhân thân ngày 20/6/2017 bị Công an huyện UH xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, lần phạm tội này ngày 20/5/2017, phạm tội trước – bị xử phạt vi phạm hành chính sau, nhưng cũng cần phải xét khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T đều không có tình tiết tăng nặng và đều có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo và đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả đầy đủ cho người bị hại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mới có tác dụng đối với các bị cáo và phòng ngừa C, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên, khi nghị án và quyết định hình phạt - Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Trong vụ án này, đối với Nguyễn Ngọc Đ là người đã cầm cố chiếc xe BKS: 29Y3-109.10, nhưng Đ không biết là của C và T chiếm đoạt của Chu Văn T, nhưng Đ khi cầm cố chiếc xe trên khi không có giấy tờ và đã bị Công an huyện UH xử phạt hành chính là phù hợp; đối với Hoàng Anh T là người lại nhận cầm cố (cầm) chiếc xe BKS: 29Y3-109.10 của Đ, T vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra Công an huyện UH đã tách ra xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong cùng bản án này.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Gia đình Chu Văn C và Phạm Đình T đã tự nguyện bồi thường cho anh Chu Văn T giá trị chiếc xe mô tô BKS 29Y3-109.10, số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Sau khi T nhận đủ số tiền trên đã chuyển lại cho Đặng Văn D. D đã nhận lại tiền và không có thắc mắc, yêu cầu gì đối với chiếc xe BKS: 29Y3-109.10, nên không đặt ra giải quyết.

[7] **Về án phí và quyền kháng cáo:**

Buộc các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I- Tuyên bố các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T đều phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (tức điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015); điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 - Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Chu Văn C 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2017.

Xử phạt: Phạm Đình T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

II- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99, 231 và Điều 234 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Chu Văn C và Phạm Đình T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi thường trú. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày - kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Cơ quan T.H.A Dân sự huyện Ứng Hòa;
- UBND xã Lê T, huyện Mỹ Đức;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ; V/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện